

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2765 /STP-VP

Đồng Nai, ngày 19 tháng 10 năm 2018

V/v thực hiện đánh giá xếp hạng đơn
vị sự nghiệp công lập trong đơn vị
thuộc Sở Tư pháp

Kính gửi:

- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước;
- Trung tâm Đấu giá tài sản;
- Phòng Công chứng số 1, 3, 4.

Ngày 04/10/2018, Giám đốc Sở Tư pháp có Công văn số 2595/STP-VP về việc rà soát áp dụng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các đơn vị thuộc Sở Tư pháp. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị trực thuộc Sở, Giám đốc Sở Tư pháp yêu cầu:

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/02/2010 của Bộ Tư pháp – Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngành tư pháp tổ chức thực hiện đánh giá xếp hạng đơn vị sự nghiệp theo quy định và gửi hồ sơ về Văn phòng Sở tổng hợp **trước ngày 31/10/2018**.

2. Giao Văn phòng Sở tổng hợp, tham mưu Giám đốc Sở trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các quy định xếp hạng đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp **trước ngày 05/11/2018**./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Văn Toàn

Số: 02/2010/TTLT-BTP-BNV

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2010

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

HƯỚNG DẪN XẾP HẠNG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC NGÀNH TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn về mục đích, nguyên tắc, thời hạn thực hiện xếp hạng; khung xếp hạng, căn cứ xếp hạng, thang điểm xếp hạng; phụ cấp chức vụ theo hạng, thẩm quyền, hồ sơ và thủ tục xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này được áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp) có tư cách pháp nhân, tài khoản và con dấu riêng, thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc ngành Tư pháp được quy định tại khoản 1 Điều 17 Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập, bao gồm:

- a) Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản trực thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm - Bộ Tư pháp;
- b) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- c) Phòng Công chứng trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- d) Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Mục đích, nguyên tắc xếp hạng

Căn cứ các quy định tại Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ và tính đặc thù của ngành Tư pháp, việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp còn được xây dựng trên cơ sở mục đích, nguyên tắc cụ thể như sau:

1. Mục đích

a) Kiện toàn tổ chức, hoàn thiện cơ chế quản lý, tạo sự thống nhất để Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch UBND cấp tỉnh) xếp hạng các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành Tư pháp;

b) Thực hiện phân cấp quản lý giữa Bộ Tư pháp và UBND cấp tỉnh trong việc quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của từng cấp;

c) Xác định mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, trưởng, phó các tổ chức thuộc đơn vị sự nghiệp; xác định vị trí, quy mô tổ chức của từng đơn vị phù hợp với phân cấp quản lý.

2. Nguyên tắc

a) Việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp phải phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động, khả năng đầu tư, phát triển đối với từng loại hình tổ chức đơn vị sự nghiệp thuộc ngành Tư pháp được xác định theo các tiêu chí quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 kèm theo Thông tư liên tịch này;

b) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

c) Bảo đảm tương quan về thứ bậc và mối quan hệ hợp lý giữa hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp với hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo của các tổ chức tham mưu, thực thi pháp luật thuộc cơ quan hành chính nhà nước từng cấp.

Điều 3. Thời hạn thực hiện xếp hạng

Thời hạn xếp hạng lần đầu được thực hiện ngay sau khi Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành; việc xếp hạng lại các đơn vị sự nghiệp theo các tiêu chí quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này là 5 năm (đủ 60 tháng) kể từ ngày quyết định xếp hạng trước đó có hiệu lực thi hành. Các trường hợp đặc biệt dưới đây thực hiện xếp hạng như sau:

1. Đơn vị sự nghiệp có sự sắp xếp lại về tổ chức như: chuyển đổi loại hình tổ chức, thay đổi cấp quản lý trực tiếp, hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách, thì cơ quan có thẩm quyền xem xét xếp hạng lại ngay từ thời điểm quyết định sắp xếp lại tổ chức đối với đơn vị đó có hiệu lực thi hành;

2. Đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Thông tư liên tịch này nếu được đầu tư phát triển liên tục mà trong 3 năm liên tiếp đạt tiêu chí xếp vào hạng cao hơn thì được xem xét xếp vào hạng cao hơn đó.

Chương II

XẾP HẠNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 4. Khung xếp hạng

Các đơn vị sự nghiệp được xếp hạng như sau:

1. Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản được xếp thành hai hạng: hạng II và hạng III;
2. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được xếp thành ba hạng: hạng II, hạng III và hạng IV;
3. Phòng Công chứng xếp thành ba hạng: hạng II, hạng III và hạng IV;
4. Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản được xếp thành ba hạng: hạng II, hạng III và hạng IV.

Điều 5. Căn cứ xếp hạng

1. Việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp được thực hiện trên cơ sở đánh giá thực trạng của đơn vị bằng cách tính điểm theo 4 tiêu chí sau:

- a) Cơ cấu tổ chức, biên chế;
- b) Trình độ chuyên môn của cán bộ, viên chức;
- c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- d) Hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật.

2. Hạng của đơn vị sự nghiệp được xác định trên cơ sở tổng số điểm đạt được theo 4 nhóm tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Thang điểm và xếp hạng

1. Thang điểm đánh giá xếp hạng đơn vị sự nghiệp tối đa là 100 điểm.

2. Xếp hạng đơn vị sự nghiệp

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư liên tịch này:

- Hạng II: đạt số điểm trên 70 điểm;

- Hạng III: đạt số điểm từ 70 điểm trở xuống;

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Thông tư liên tịch này:

- Hạng II: đạt số điểm trên 70 điểm;

- Hạng III: đạt số điểm trên 50 điểm đến 70 điểm;

- Hạng IV: đạt số điểm từ 50 điểm trở xuống.

Điều 7. Bảng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hạng của các đơn vị sự nghiệp

STT	Chức danh lãnh đạo	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
1	Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp	0,70	0,60	0,50
2	Cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp	0,50	0,40	0,30
3	Người đứng đầu tổ chức trực thuộc đơn vị sự nghiệp	0,30	0,25	0,20
4	Cấp phó của người đứng đầu tổ chức trực thuộc đơn vị sự nghiệp	0,20	0,15	0,10

Điều 8. Thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục xếp hạng

1. Thẩm quyền quyết định xếp hạng

a) Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định xếp hạng các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản trực thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm - Bộ Tư pháp.

b) Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định xếp hạng đối với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp.

2. Hồ sơ đề nghị xếp hạng gồm có:

a) Tờ trình đề nghị xếp hạng;

b) Bản sao quyết định thành lập hoặc sắp xếp lại về tổ chức (nếu có).

Đối với đơn vị sự nghiệp được xếp hạng theo tiêu chí quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch này, ngoài các tài liệu nêu trên cần gửi kèm theo:

- Kết quả tính điểm theo tiêu chí quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư liên tịch này trên cơ sở số liệu bình quân của 3 (ba) năm liền kề của năm đề nghị xếp hạng; trường hợp tính đến năm đề nghị xếp hạng mà đơn vị sự nghiệp không có đủ số liệu của 3 (ba) năm liền kề của năm đề nghị xếp hạng do mới được thành lập hoặc có sự sắp xếp lại về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thì lấy số liệu bình quân của thời gian từ khi được thành lập, được sắp xếp lại về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để làm cơ sở tính điểm;

- Báo cáo quyết toán thu, chi được cấp có thẩm quyền phê duyệt của 3 (ba) năm liền kề của năm đề nghị xếp hạng (trừ Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước); trường hợp tính đến năm đề nghị xếp hạng

mà đơn vị sự nghiệp không có báo cáo quyết toán thu, chi của 3 (ba) năm liền kề của năm đề nghị xếp hạng do mới được thành lập hoặc có sự sắp xếp lại về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thì lấy báo cáo của thời gian từ khi được thành lập, được sắp xếp lại về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn làm cơ sở tính điểm.

3. Thủ tục xếp hạng đơn vị sự nghiệp

a) Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị xếp hạng của Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản, gửi Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Tư pháp để thẩm định. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Vụ Tổ chức cán bộ phải hoàn thành việc thẩm định xếp hạng đơn vị sự nghiệp và chuyển cho Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm.

b) Sở Tư pháp tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị xếp hạng của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, gửi Sở Nội vụ để thẩm định. Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nội vụ phải hoàn thành việc thẩm định xếp hạng đơn vị sự nghiệp và chuyển cho Sở Tư pháp.

c) Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan thẩm định, cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xếp hạng và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

d) Trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định xếp hạng Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản trực thuộc Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định xếp hạng Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tư pháp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp

1. Hướng dẫn, chỉ đạo đơn vị sự nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xếp hạng trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành.

2. Định kỳ hàng năm đánh giá về tình hình xếp hạng các đơn vị sự nghiệp và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, UBND cấp tỉnh trước ngày 25 tháng 02 của năm sau.

Điều 10. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo của đơn vị sự nghiệp

Sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xếp hạng đơn vị sự nghiệp, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quyết định lại mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hạng tương ứng của đơn vị sự nghiệp cho đối tượng được hưởng.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành; các nội dung không quy định tại Thông tư liên tịch này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tư pháp để thống nhất với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

**BỘ NỘI VỤ
BỘ TRƯỞNG**

Trần Văn Tuấn

**BỘ TƯ PHÁP
BỘ TRƯỞNG**

Hà Hùng Cường

PHỤ LỤC 1

TIÊU CHÍ XẾP HẠNG TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/02/2010 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ)

STT	TIÊU CHÍ	ĐIỂM
I	Biên chế	
	- Có trên 15 biên chế	20
	- Có từ 15 biên chế trở xuống	10
II	Trình độ chuyên môn của cán bộ, viên chức: tỉ lệ cán bộ, viên chức có trình độ đại học và trên đại học của đơn vị	
	- Trên 80%	20
	- Từ 80% trở xuống	10
III	Kết quả thực hiện nhiệm vụ (tính bình quân của 3 (ba) năm liền kể năm đề nghị xếp hạng)	
	Tổng số vụ việc đã đăng ký:	20
	- Trên 25.000 vụ việc	20
	- Từ 25.000 vụ việc trở xuống	10
	Tổng số phí (lệ phí) đăng ký thu được:	20
	- Trên 01 tỷ đồng	20
- Từ 01 tỷ đồng trở xuống	10	
V	Hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật	
	Có trụ sở làm việc độc lập	20
	Không có trụ sở làm việc độc lập	10

KHUNG ĐIỂM XẾP HẠNG

Hạng đơn vị	Hạng II	Hạng III
Khung điểm	Trên 70 điểm	Từ 70 điểm trở xuống

PHỤ LỤC 2

TIÊU CHÍ XẾP HẠNG TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/02/2010 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ)

STT	TIÊU CHÍ	ĐIỂM
I	Cơ cấu tổ chức	
	Đã thành lập các phòng hoặc chi nhánh trực thuộc	20
	Chưa thành lập các phòng hoặc chi nhánh trực thuộc	10
II	Biên chế	
	- Có trên 15 biên chế	20
	- Có trên 10 đến 15 biên chế	14
	- Có từ 10 biên chế trở xuống	8
III	Trình độ chuyên môn của cán bộ, viên chức: tỉ lệ cán bộ, viên chức có trình độ đại học và trên đại học của đơn vị	
	- Trên 80%	20
	- Trên 70% đến 80%	14
	- Từ 70% trở xuống	8
IV	Kết quả thực hiện nhiệm vụ (tính bình quân của 3 (ba) năm liền kề năm đề nghị xếp hạng)	
	Trên 1.000 vụ việc tư vấn pháp luật	20
	Trên 800 vụ việc đến 1000 vụ việc tư vấn pháp luật	14
	Từ 800 vụ việc tư vấn pháp luật trở xuống	10
V	Hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật	
	Có trụ sở làm việc độc lập	20
	Không có trụ sở làm việc độc lập	10

KHUNG ĐIỂM XẾP HẠNG

Hạng đơn vị	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
Khung điểm	Trên 70 điểm	Trên 50 đến 70 điểm	Từ 50 điểm trở xuống

Ghi chú: 01 vụ tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng được tính bằng 05 vụ việc tư vấn pháp luật; vụ việc hoà giải và vụ việc kiến nghị được tính như vụ việc tư vấn pháp luật.

PHỤ LỤC 3

TIÊU CHÍ XẾP HẠNG PHÒNG CÔNG CHỨNG

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/02/2010 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ)

STT	TIÊU CHÍ	ĐIỂM
I	Biên chế	
	- Có trên 15 biên chế	20
	- Có trên 10 đến 15 biên chế	14
	- Có từ 10 biên chế trở xuống	8
II	Trình độ chuyên môn của cán bộ, viên chức: Tỷ lệ cán bộ, viên chức có trình độ đại học và trên đại học của đơn vị	
	- Trên 80%	20
	- Trên 70% đến 80%	14
	- Từ 70% trở xuống	8
III	Kết quả thực hiện nhiệm vụ (tính bình quân của 3 (ba) năm liền kề năm đề nghị xếp hạng)	
	Tổng số việc đã công chứng (các việc công chứng theo quy định của pháp luật)	20
	- Trên 1.500 việc	20
	- Trên 1.300 việc đến 1.500 việc	14
	- Từ 1.300 việc trở xuống	8
	Tổng số phí công chứng thu được:	20
	- Trên 600 triệu đồng	20
	- Trên 400 triệu đồng đến 600 triệu đồng	14
	- Từ 400 triệu đồng trở xuống	8
IV	Hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật	
	Có trụ sở làm việc độc lập	20
	Không có trụ sở làm việc độc lập	10

KHUNG ĐIỂM XẾP HẠNG

Hạng đơn vị	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
Khung điểm	Trên 70 điểm	Trên 50 đến 70 điểm	Từ 50 điểm trở xuống

PHỤ LỤC 4

TIÊU CHÍ XẾP HẠNG TRUNG TÂM DỊCH VỤ BÁN ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/02/2010 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ)

STT	TIÊU CHÍ	ĐIỂM
I	Biên chế	
	- Có trên 15 biên chế	20
	- Có trên 10 đến 15 biên chế	14
	- Có từ 10 biên chế trở xuống	8
II	Trình độ chuyên môn của cán bộ, viên chức: Tỷ lệ cán bộ, viên chức có trình độ đại học và trên đại học của đơn vị	
	- Trên 80%	20
	- Trên 70% đến 80 %	14
	- Từ 70% trở xuống	8
III	Kết quả thực hiện nhiệm vụ (tính bình quân của 3 (ba) năm liền kề năm đề nghị xếp hạng)	
	Tổng số vụ việc đã thực hiện (bao gồm hợp đồng ủy quyền và việc chuyển giao tài sản để bán đấu giá theo quy định của pháp luật):	20
	- Trên 70 vụ việc	20
	- Trên 50 vụ việc đến 70 vụ việc	14
	- Từ 50 vụ việc trở xuống	8
	Tổng số phí bán đấu giá thu được:	20
	- Trên 250 triệu đồng	20
	- Trên 200 triệu đồng đến 250 triệu đồng	14
	- Từ 200 triệu đồng trở xuống	8
IV	Hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật	

Có trụ sở làm việc độc lập	20
Không có trụ sở làm việc độc lập	10

KHUNG ĐIỂM XẾP HẠNG

Hạng đơn vị	Hạng II	Hạng III	Hạng IV
Khung điểm	Trên 70 điểm	Trên 50 đến 70 điểm	Từ 50 điểm trở xuống

PHỤ LỤC 5

BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM XẾP HẠNG CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/02/2010 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
 ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..... ngày tháng năm 20....

BẢNG CHẤM ĐIỂM

I. Tổ chức, biên chế:

- điểm
 - điểm

II. Trình độ chuyên môn của cán bộ, viên chức:

- điểm
 - điểm

III. Kết quả thực hiện nhiệm vụ :

- điểm
 - điểm

IV. Hạ tầng cơ sở vật chất, kỹ thuật

- điểm
 - điểm

Tổng số:

điểm

(Viết bằng chữ:.....)

Điều 5. Các bảng lương; bảng phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ và bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo

Ban hành kèm theo Nghị định này các bảng lương; bảng phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ và bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo như sau:

1. Các bảng lương:

a) Quy định 7 bảng lương sau:

Bảng 1: Bảng lương chuyên gia cao cấp.

Bảng 2: Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước (bao gồm cả cán bộ giữ chức danh do bầu cử thuộc diện xếp lương theo ngạch, bậc công chức hành chính và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và công chức ở xã, phường, thị trấn).

Bảng 3: Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

Bảng 4: Bảng lương nhân viên thừa hành, phục vụ trong các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

Bảng 5: Bảng lương cán bộ chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

Bảng 6: Bảng lương cấp bậc quân hàm sĩ quan quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan công an nhân dân.

Bảng 7: Bảng lương quân nhân chuyên nghiệp thuộc quân đội nhân dân và chuyên môn kỹ thuật thuộc công an nhân dân.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Đơn vị tính: 1.000đồng

STT	Chức danh lãnh đạo	Đô thị loại đặc biệt, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh		Đô thị loại I, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 01/10/2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 01/10/2004
1	Chủ tịch Ủy ban nhân dân			1.25	362.5
2	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân	1.20	348.0	1.05	304.5
3	Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở và tương đương	1.00	290.0	0.90	261.0
4	Phó chánh văn	0.80	232.0	0.70	203.0

	phòng Ủy ban nhân dân, Phó Giám đốc Sở và tương đương				
5	Trưởng phòng Sở và tương đương	0.60	174.0	0.50	145.0
6	Phó trưởng phòng Sở và tương đương	0.40	116.0	0.30	87.0

8. Chi cục và các tổ chức tương đương thuộc Sở (gọi chung là chi cục thuộc Sở)

Đơn vị tính: 1.000đồng

Số TT	Chức danh lãnh đạo	Sở thuộc đô thị loại đặc biệt, Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh		Sở thuộc đô thị loại I, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương còn lại	
		Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 01/10/2004	Hệ số	Mức phụ cấp thực hiện 01/10/2004
1	Chi cục trưởng thuộc Sở	0.80	232.0	0.70	203.0
2	Phó chi cục trưởng thuộc Sở	0.60	174.0	0.50	145.0
3	Trưởng phòng chi cục và tương đương	0.40	116.0	0.30	87.0
4	Phó trưởng phòng chi cục và tương đương	0.25	72.5	0.20	58.0